TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp về chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Xuân Toàn, ông Trương Quang Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Ông Dương Đại Phong - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024, về "Tranh chấp về di sản thừa kế"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-DS ngày 04/9/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐST - DS ngày 20/9/2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông Dương Đăng Q; địa chỉ: Bản C, xã K, huyện L, tỉnh Q, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị L, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Trọng H, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Dương Thị L, địa chỉ: Thôn T, xã Tân T, huyện L, tỉnh Q, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị Lẻ: Ông Hoàng Minh T, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt

2. Bà Dương Thị S, địa chỉ: Bản C, xã K, huyện L, tỉnh Q, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị S: Ông Trần Trương P, Luật sư thuộc Văn phòng luật sư T, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Q, có mặt.

3. Bà Dương Thị S, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án ông Dương Đăng Q trình bày: Bố mẹ bà là cụ ông Dương Đăng T và cụ bà Trần Thị L là vợ chồng (cụ Dương Đăng T chết ngày 28/5/2013) để lại là căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 1.230m^2 đất thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA413399 ngày 24/9/2004 cho ông Dương Đăng T. Trước khi chết, ông T không để lại di chúc. Nay ông Dương Đăng Q yêu cầu Tòa án phân chia tài sản là di sản của ông T để lại là diện tích đất 1.230m^2. Ông Q yêu cầu chia cho cụ bà Trần Thị L được nhận ½ diện tích đất 615m^2, còn lại ½ diện tích đất 615m^2 chia đều cho 05 người trong đó có bà Trần Thị L và 04 người con trong đó có ông Q. Hiện nay cụ bà Trần Thị L, con gái Dương Thị L và con trai Dương Đăng Q sinh sống tại ngôi nhà do ông T, bà L xây dựng. Bà Dương Thị S, bà Dương Thị S đã lập gia đình và có chỗ ở ổn định. Nếu sau này Tòa án phân chia thừa kế thì bà Trần Thị L, Dương Thị L, Dương Thị S muốn giao lại kỹ phần của mình được hưởng và phần tài sản được chia (của bà L) cho ông Dương Đăng Q.

Riêng ngôi nhà cấp 4 và tài sản gắn liền và một số cây trồng lâu năm, bà L và cả 4 anh em thống nhất, ngôi nhà cấp 4 và tài sản gắn liền nhà do bố mẹ tôi làm từ lâu, đến nay đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng, một số cây trồng lâu năm giá trị không đáng kể, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn ông Dương Đăng Q cho rằng diện tích đất của ông bà để lại có phần diện tích đất 752m^2 đất sản xuất nông nghiệp chia cho ông (Dương Đăng Q) theo nghị định 64/CP, nên đề nghị Hội đồng xét xử trừ đi phần diện tích trên, sau đó chia theo pháp luật.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị L trình bày*: Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là do vợ chồng Ông/bà Dương Đăng T, Trần Thị L tạo lập. Ông T và bà sinh được 04 người con, trước khi chết ông T không để lại di chúc, không tặng cho riêng một người con nào. Hiện nay Bà (Trần Thị L) đang sống cùng với con trai Dương Đăng Q ổn định tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Q. Bà muốn giữ lại tài sản là diện tích 1.230m^2 đất để làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên; Nay ông Dương Đăng Q yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, nên đồng ý chia thừa kế theo pháp luật để đảm bảo quyền lợi của các con. Nếu Tòa án phân chia thừa kế thì kỹ phần Bà được nhận giao lại kỹ phần của mình được hưởng và phần tài sản được chia cho con trai Dương Đăng Q.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị S, Dương Thị L cũng như người đại diện hợp pháp của Dương Thị L ông Hoàng Minh T trình bày:* Đồng ý với lời trình bày của ông Dương Đăng Q về thời điểm ông Dương Đăng T chết, về quan hệ huyết thống và di sản ông T để lại như trên là đúng. Nay để báo hiếu cho bà Trần Thị L, 02 người con còn lại nếu được hưởng kỹ phần thừa kế từ ông Dương Đăng T thì 02 người con tặng cho anh Dương Đăng Q mà không kèm theo điều kiện gì.

Riêng bà Dương Thị S thì cho rằng, cụ ông Dương Đăng T và cụ bà Trần Thị L là vợ chồng (cụ Dương Đăng T chết năm 2013) có tạo lập được một căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích 1.230m^2 đất thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 10 nay thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 12 theo bản đồ địa chính đã được phê duyệt năm 2019 có diện tích đang sử dụng 2.486,7m^2 tọa lạc tại xã T, huyện L, tỉnh Q, được Ủy ban

nhân dân huyện Lệ Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA413399 ngày 24/9/2004 mang tên ông Dương Đăng T. Trước khi chết, ông T không để lại di chúc. Nay ông Dương Đăng Q yêu cầu Tòa án phân chia tài sản là di sản của ông T để lại là căn nhà cấp 4 gắn liền với diện tích đất 2.486,7m^2. Bà yêu cầu giao cho cụ bà Trần Thị Luyến được nhận căn nhà cấp 4 cùng ½ diện tích đất 1.243,35m^2, còn lại diện tích đất 1.243,35m^2 chia đều cho 05 người trong đó có cụ bà Trần Thị L và 04 người con trong đó có Bà. Nếu Tòa án có phân chia thừa kế thì Bà muốn được nhận kỹ phần là hiện vật (đất ở) diện tích khoảng 180m^2 có chiều dài mặt tiền, tiếp giáp (mương nước) đường đi 4,4m của mình được hưởng.

Tại phiên tòa: Bà Dương Thị S và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà: Ông Trần Trương P rút một phần yêu cầu chia giá trị đàn Trâu (10 con) và phần diện tích 12ha đất trồng Rừng của ông T để lại cho ông Dương Đăng Q, vì hiện nay số Trâu đã bán, đất Rừng ông Dương đăng Q đang sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản thẩm định và định giá tài sản lập ngày 22 tháng 8 năm 2024 Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản như sau:

- Thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10 có diện tích 1.230m^2, trong đó 100m^2 đất ở, 1.130m^2 đất trồng cây hàng năm khác, tại thôn Tân Ly, xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; được Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA413399 ngày 24/9/2004 mang tên ông Dương Đăng T.

Nay thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 12 theo bản đồ địa chính đã được phê duyệt năm 2019 có diện tích đang sử dụng 2.486,7m^2

- Đất ở 100m^2 vị trí 1 khu vực 1 nông thôn giá 205.000đ/m^2 thành tiền 20.500.000 đồng

- Đất trồng cây hàng năm khác 1.130m^2 vị trí 1 giá 33.000đ/m^2 thành tiền 37.290.000 đồng.

- Nhà ở: Nhà cấp 4, 01 tầng (3 gian) gắn liền công trình, phụ mái lợp ngói diện tích 97,4 m^2; Mái che phía trước, mái lợp tôn, nền láng xi măng; diện tích 68,4 m^2; Mái che phía bên phải nhà, mái lợp Brô xi măng, nền láng xi măng; diện tích 76,5 m^2; Mái che phía bên trái nhà, mái lợp Brô xi măng, nền láng xi măng; diện tích 37,7 m^2; Hàng rào xây bằng bơ lốc chiều cao 1,5m, chiều dài 46,66m;

Tại phiên tòa phía nguyên đơn ông Nguyễn Đăng Q và người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị L và những người liên quan bà Dương Thị S và bà Dương Thị S, cũng như người đại diện hợp của bà Dương Thị L là ông Hoàng Minh T, của bà Dương Thị S là ông Trần Trương P đều trình bày: Ngôi nhà cấp 4 và tài sản gắn liền cùng một số cây trồng lâu năm, bà L và cả 4 anh em thống nhất, ngôi nhà cấp 4 và tài sản gắn liền nhà do bố mẹ (ông T, bà L) làm từ lâu, đến nay đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng, một số cây trồng lâu năm giá trị không đáng kể, nên không ai yêu cầu Tòa án giải quyết

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án

thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào: Khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165, 244 của Bộ luật tố dụng dân sự năm 2015; Điều 459, Điều 649, điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 100, 143, 166 và Điều 170 của Luật đất đai; Điểm đ khoản 1 điều 12; Điều 26; Án lệ số 05/2016/AL; Khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận sự tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế tài sản và phần tài sản được chia là quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị L và ông Dương Đăng Q; công nhận sự tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế tài sản những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữa bà Dương Thị L, bà Dương Thị S và ông Dương Đăng Q.

Chia cho ông Dương Đăng Q được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 2.304,1m^2 (trong đó 90m^2 đất ở, 2.214,1m^2 đất trồng cây hàng năm khác trong đó 1.107m^2 đã cấp quyền sử dụng đất, 2.107,1 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) gắn liền với căn nhà cấp 4 thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 10 (nay thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 12 theo bản đồ địa chính đã được phê duyệt năm 2019) được Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA413399 ngày 24/9/2004 mang tên ông Dương Đăng T, tại thôn Tân Ly, xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Chia cho bà Dương Thị S được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 182,6m^2 (trong đó 10m^2 đất ở, 172,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 10 (nay thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 12 theo bản đồ địa chính đã được phê duyệt năm 2019) được Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA413399 ngày 24/9/2004 mang tên ông Dương Đăng Q, tại thôn Tân Ly, xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Đề nghị HĐXX buộc các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự và các chi phí tố tụng khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thời hiệu khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "...*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, ..., kể từ thời điểm mở thừa kế*...". Ông Dương Đăng T chết ngày 28/5/2013 tính đến ngày 02/5/2024 ông Dương Đăng Q nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản của ông Dương Đăng T để lại vẫn còn trong thời hạn quy định nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Tài sản tranh chấp và các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện Lệ Thủy. Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ

án là "*Tranh chấp về chia thừa kế tài sản theo pháp luật*", "*Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và bà Dương Thị S rút một phần yêu cầu buộc nguyên đơn ông Dương Đăng Q chia phần di sản của ông Tuấn để lại 10 con trâu và 12 ha đất trồng rừng. Xét việc rút yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã rút.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bà Trần Thị L, bà Dương Thị L Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Luyến, bà Lẻ là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận: Ông Dương Đăng T mất vào ngày 28/5/2013, Ông và bà Trần Thị L không có con riêng, con nuôi nào khác; Ông T không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào; Cha mẹ ruột ông T đã chết. Ngoài tài sản trên thì không còn tài sản khác để chia thừa kế theo pháp luật. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 hàng thừa kế thứ nhất của ông Dương Đăng T còn sống tới thời điểm mở thừa kế là: Bà Trần Thị L là vợ ông T và các con gồm ông Dương Đăng Q, bà Dương Thị L, bà Dương Thị S và bà Dương Thị S.

[3] Về nguồn gốc tài sản: Theo các tài liệu, chứng cứ các đương sự cung cấp thể hiện là căn nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10 có diện tích 1.230m^2 do vợ chồng ông Dương Đăng T và bà Trần Thị L cùng tạo lập. Xét thấy diện tích 1.230m^2, trong đó 100m^2 đất ở, 1.130m^2 đất trồng cây hàng năm khác nay thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 12 theo bản đồ địa chính đã được phê duyệt năm 2019 có diện tích đang sử dụng 2.486,7m^2 là tài sản chung của vợ chồng ông T và bà L tạo lập trong thời kỳ sống chung với nhau; Mặt khác các đồng thừa kế thống nhất và thừa nhận nhà ở, công trình phụ, tường rào, mái che và các cây trồng trên đất không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để lại cho bà Trần Thị L và ông Dương Đăng Q sở hữu và sử dụng, nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản thừa kế là ngôi nhà cấp 4, công trình phụ, tường rào, mái che và các cây trồng trên đất. Nên ½ số tài sản trên là kỹ phần thừa kế chưa được chia của ông T. Còn lại ½ số tài sản trên là của bà Trần Thị L. Do ông T không để lại di chúc nên căn cứ Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 100 của Luật đất đai 2013, diện tích 1.243,35m^2 (trong đó 50m^2 đất ở, 1.193,35m^2 đất trồng cây hàng năm khác) được chia theo pháp luật tương đương trị giá tài sản là 49.630.550đồng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn cho rằng diện tích đất của ông bà để lại có phần diện tích đất 752m^2 đất sản xuất nông nghiệp chia cho ông (Dương Đăng Q) theo nghị định 64/CP, nên đề nghị Hội đồng xét xử trừ đi phần diện tích trên, sau đó chia theo pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng phần diện diện tích đất sản xuất nông nghiệp chia cho ông Dương Đăng Q theo sổ tổng hợp dồn điền đổi thửa của địa phương thì gia đình Ông T, bà L được cấp đất sản xuất nông nghiệp được trừ đi phần diện tích đất vườn là 752m^2 khi đó gia đình được cấp theo khẩu (gồm ông T, bà L, bà L, bà S và ông Q) giao cho ông Q đứng tên để giao dịch trong việc cấp đất

của hộ gia đình cũng phù hợp với trình bày của bà S.Vì vậy, nguyên đơn cho rằng đất đó cấp riêng cho ông là không có cơ sở để HĐXX xem xét.

[4] Phân chia di sản thừa kế: 1.243,35m^2 đất được chia đều cho 05 kỹ phần gồm: Bà Luyến và 04 người con của ông T, thì mỗi người được 248,6m^2 đất (thành tiền 9.926.110 đồng).

Mặt khác 02 người con Dương Thị L, Dương Thị S đồng ý tặng cho toàn bộ kỹ phần thừa kế được hưởng từ ông T cho ông Dương Đăng Q, ông Quang cũng đồng ý nhận; bà L cũng đồng ý tặng cho kỷ phần thừa kế được hưởng từ ông T và phần tài sản được chia là quyền sử dụng đất có diện tích 1.243,35m^2 đất ông Dương Đăng Q. Nhận thấy đây là sự tự nguyện tặng cho tài sản và không trái pháp luật của 04 người (bà L, bà L, bà S và ông Q) nên công nhận. Riêng bà Dương Thị S thì không đồng ý tặng cho và yêu cầu được chia thừa kế. Vì vậy, phần diện tích đất của bà Dương Thị S được hưởng thừa kế theo pháp luật 248,6m^2 nhưng bà chỉ nhận phần đất có diện tích 182,6m^2 có chiều dài mặt tiền, tiếp giáp (mương nước) đường đi 4,4m (trong đó 10m^2 đất ở, 172,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác), thành tiền là 7.745.800 đồng. Xét yêu cầu bà Sang được nhận kỹ phần là quyền sử dụng đất là kỷ phần của mình được hưởng, Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên là có cở sở. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[5] Như vậy Hội đồng xét xử quyết định chia quyền sử dụng đất như sau:

Chia cho ông Dương Đăng Q được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 2.304,1m^2 (trong đó 90m^2 đất ở, 2.214,1m^2 đất trồng cây hàng năm khác trong đó 1.107m^2 đã cấp quyền sử dụng đất, 2.107,1 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) gắn liền với căn nhà cấp 4 thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 10 (nay thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 12 theo bản đồ địa chính đã được phê duyệt năm 2019) được Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA413399 ngày 24/9/2004 mang tên ông Dương Đăng T, tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Q, có tứ cạnh như sau:

- Phía Đông giáp đất thủy lợi (mương nước) được kí hiệu từ điểm 1 đến điểm 21 có số đo 40,56m, giáp một phần giáp đất bà Dương Thị Sang có số đo 4,4m (từ điểm 20 đến 18)

- Phía Tây giáp thửa đất số thửa 907 và thửa 1158 được kí hiệu từ điểm 9 đến điểm 20 có số đo 60,09m;

- Phía Bắc giáp thửa đất số 844 và thửa 802 được kí hiệu từ điểm 14 đến điểm 1 có số đo 46,88m;

- Phía Nam một phần giáp thửa 913 được kí hiệu từ điểm 9 đến điểm 18 có số đo lần lượt 13,66m +1,90m + 4,12m + 3,85m và một phần giáp đất bà Dương Thị Sang được kí hiệu từ điểm 20 đến điểm 21 có số đo 38,39m.

Tổng trị giá đất 91.515.300 đồng (trong đó trị giá đất ở 18.450.000 đồng, đất trồng cây hàng năm khác 73.065.300 đồng)

Tài sản trên đất gồm có 09 cây dừa; 02 cây cau; 02 cây hoa giấy, 02 cây đào, 01 cây sung, 01 câu mưng, 01 cây huê, 05 cây mớc, 05 cây bưởi, 01 cây khế, phần mái che phía trái và phía phải, phần mái che phía trước được trừ đi 19 m^2 nằm trên phần đất của bà Sang.

Chia cho bà Dương Thị S được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 182,6m^2 (trong đó 10m^2 đất ở, 172,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác trong đó 113m^2 đã cấp quyền sử dụng đất, 59,6 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 10 (nay thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 12 theo bản đồ địa chính đã được phê duyệt năm 2019) được Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA413399 ngày 24/9/2004 mang tên ông Dương Đăng T, tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Q, có tứ cạnh như sau:

- Phía Đông giáp đất thủy lợi (mương nước) được kí hiệu từ điểm 16 đến điểm 21 có số đo 4,4m;

- Phía Tây giáp thửa đất số 129 (nay thuộc thửa 853) được kí hiệu từ điểm 18 đến điểm 20 có số đo 4,4m;

- Phía Bắc giáp thửa đất số 129 (nay thuộc thửa 853) được kí hiệu từ điểm 20 đến điểm 21 có số đo 38,39m;

- Phía Nam thửa đất số 921 được kí hiệu từ điểm 16,17 đến điểm 18 có số đo lần lượt 25,91m + 12,55m;

Tổng trị giá đất 7.745.800 đồng (trong đó trị giá đất ở 2.050.000 đồng, đất trồng cây hàng năm khác 5.695.800 đồng)

Tài sản trên đất gồm có 03 cây dừa trị giá 2.019.600 đồng; 02 cây ổi trị giá 626.000 đồng, 02 cây cau trị giá 364.000 đồng và 19 m^2 mái che lợp tôn, khung săt, trụ bê tông trị giá 15.732.000 đồng.

Ông Dương Đăng Q, bà Dương Thị S có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại thôn Tân Ly, xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Từ những phân tích xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Dương Đăng Q tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là 3.900.000 đồng (Ba triệu, chín trăm nghìn đồng), ông Quang đã nộp đủ chi phí trên, nên HĐXX không xem xét.

Bà Dương Thị S tự nguyện chịu 1.000.000 đồng chi phí đo đạc đất theo yêu cầu, bà Sang đã nộp đủ chi phí trên, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị L có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Dương Đăng Q, bà Dương Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được nhận theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố dụng dân sự;

Áp dụng các điều 459, 649, điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651; Điều 660 của Bộ luật dân sự; Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình; các

điều 100, 143, 166 và Điều 170 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26; Án lệ số 05/2016/AL; khoản 7 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị S về việc buộc nguyên đơn ông Dương Đăng Q chia phần di sản của ông Tuấn để lại 10 con trâu và 12 ha đất trồng rừng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị L, bà Dương Thị L, bà Dương Thị S và ông Dương Đăng Q.

3. Công nhận sự tự nguyện tặng cho kỹ phần thừa kế tài sản và phần tài sản được chia là quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị L và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Dương Thị L, Dương Thị S và ông Dương Đăng Q.

Chia cho ông Dương Đăng Q được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 2.304,1m^2 (trong đó 90m^2 đất ở, 2.214,1m^2 đất trồng cây hàng năm khác) gắn liền với căn nhà cấp 4 thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 10 (nay thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 12 theo bản đồ địa chính đã được phê duyệt năm 2019) được Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA413399 ngày 24/9/2004 mang tên ông Dương Đăng T, tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Q, có tứ cạnh như sau:

- Phía Đông giáp đất thủy lợi (mương nước) được kí hiệu từ điểm 1 đến điểm 21 có số đo 40,56m; một phần giáp đất bà Dương Thị Sang có số đo 4,4m (từ điểm 20 đến 18)

- Phía Tây giáp thửa đất số thửa 907 và thửa 1158 được kí hiệu từ điểm 9 đến điểm 20 có số đo 60,09m;

- Phía Bắc giáp thửa đất số 844 và thửa 802 được kí hiệu từ điểm 14 đến điểm 1 có số đo 46,88m;

- Phía Nam một phần giáp thửa 913 được kí hiệu từ điểm 9 đến điểm 18 có số đo lần lượt 13,66m +1,90m + 4,12m + 3,85m và một phần giáp đất bà Dương Thị Sang được kí hiệu từ điểm 20 đến điểm 21 có số đo 38,39m.

Tổng trị giá đất 91.515.300 đồng (trong đó trị giá đất ở 18.450.000 đồng, đất trồng cây hàng năm khác 73.065.300 đồng)

Tài sản trên đất gồm có 09 cây dừa; 02 cây cau; 02 cây hoa giấy, 02 cây đào, 01 cây sung, 01 câu mưng, 01 cây huê, 05 cây mớc, 05 cây bưởi, 10 cây khế, phần mái che phía trái và phía phải, phần mái che phía trước được trừ đi 19 m^2 nằm trên phần đất của bà Sang.

Chia cho bà Dương Thị S được quyền quản lý, sử dụng lô đất diện tích 182,6m^2 (trong đó 10m^2 đất ở, 172,6m^2 đất trồng cây hàng năm khác) thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 10 (nay thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 12 theo bản đồ địa chính đã được phê duyệt năm 2019) được Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA413399 ngày 24/9/2004 mang tên ông Dương Đăng T, tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Q, có tứ cạnh như sau:

- Phía Đông giáp đất thủy lợi (mương nước) được kí hiệu từ điểm 16 đến điểm 21 có số đo 4,4m;

- Phía Tây giáp thửa đất số 129 (nay thuộc thửa 853) được kí hiệu từ điểm 18 đến điểm 20 có số đo 4,4m;

- Phía Bắc giáp thửa đất số 129 (nay thuộc thửa 853) được kí hiệu từ điểm 20 đến điểm 21 có số đo 38,39m;

- Phía Nam thửa đất số 921 được kí hiệu từ điểm 16,17 đến điểm 18 có số đo lần lượt 25,91m + 12,55m;

Tổng trị giá đất 7.745.800 đồng (trong đó trị giá đất ở 2.050.000 đồng, đất trồng cây hàng năm khác 5.695.800 đồng)

Tài sản trên đất gồm có 03 cây dừa trị giá 2.019.600 đồng; 02 cây ổi trị giá 626.000 đồng, 02 cây cau trị giá 364.000 đồng và 19 m^2 mái che lợp tôn, khung sắt, trụ bê tông trị giá 15.732.000 đồng.

Ông Dương Đăng Q, bà Dương Thị S có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động đối với thửa đất số số 129, tờ bản đồ số 10 (nay thuộc thửa đất số 853, tờ bản đồ số 12 theo bản đồ địa chính đã được phê duyệt năm 2019) tại thôn Tân Ly, xã Tân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

4. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Ông Dương Đăng Q phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 3.900.000 đồng (Ba triệu, chín trăm nghìn đồng), ông Q đã nộp đủ chi phí.

Bà Dương Thị S phải chịu 1.000.000 đồng chi phí đo đạc đất theo yêu cầu, bà S đã nộp đủ chi phí.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Luyến thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Đăng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.575.765 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo biên lai số 0004363 ngày 02/5/2024; ông Quang còn phải nộp tiếp 4.275.765 đồng án phí.

Bà Dương Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 387.290 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2024); Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ thủy;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Châu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Võ Xuân Toàn	**Trương Quang Huy**	**Nguyễn Văn Châu**